**Phụ lục IV - BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

| | |
|---|---|
| **CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ HÀNG HÓA HÀ NỘI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 83 /BCTN-VTHH(HHN) | *Hà Nội, ngày 12 tháng 04 năm 2024.* |

# BÁO CÁO
## Thường niên năm 2023

Kính gửi:
- Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

## I. Thông tin chung

1. *Thông tin khái quát*

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Hàng hóa Hà Nội
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0100105729
- Vốn điều lệ: 14.400.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu:
- Địa chỉ: 27/785 đường Trương Định, phường Thịnh Liệt, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội
- Số điện thoại: 0243. 864 2881 Fax: 0243. 864 2881
- Website: http://www.vantaihanoi.com.vn
- Mã cổ phiếu: HHN
- Quá trình hình thành và phát triển:

| Ngày tháng | Sự kiện tiêu biểu |
|---|---|
| 16/05/1966 | Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Hàng hóa Hà Nội được thành lập với tên gọi Công ty Vận tải Hàng hóa Hà Nội trực thuộc Sở giao thông Vận tải Hà Nội. Tiền thân Công ty Vận tải Hàng hóa Hà Nội là hai đơn vị: Xí nghiệp công tư hợp doanh ôtô số 2 và Xí nghiệp công tư hợp doanh ôtô số 3 |
| 07/09/1996 | Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội có quyết định số 2492/QĐ-UB đổi tên Công ty thành Công ty Vận tải và Dịch vụ Hàng hóa Hà Nội |

| | |
|---|---|
| 16/06/1999 | Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội có Quyết định 2480/QĐ-UB về việc chuyển Công ty Vận tải và Dịch vụ hàng hóa Hà Nội thành Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Hàng hóa Hà Nội. |
| Từ tháng 05/2004 đến Nay | Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Hàng hóa Hà Nội trở thành thành viên của Tổng Công ty Vận tải Hà Nội hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con. |

*2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:*

- Ngành nghề kinh doanh: Chủ yếu là dịch vụ kho tàng, bãi trông giữ các phương tiện vận tải.

- Địa bàn kinh doanh: Trụ sở và địa bàn hoạt động kinh doanh chính của Công ty là Số 27/785 đường Trương Định, phường Thịnh Liệt, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.

*3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:*

- Mô hình quản trị.

- Cơ cấu bộ máy quản lý.

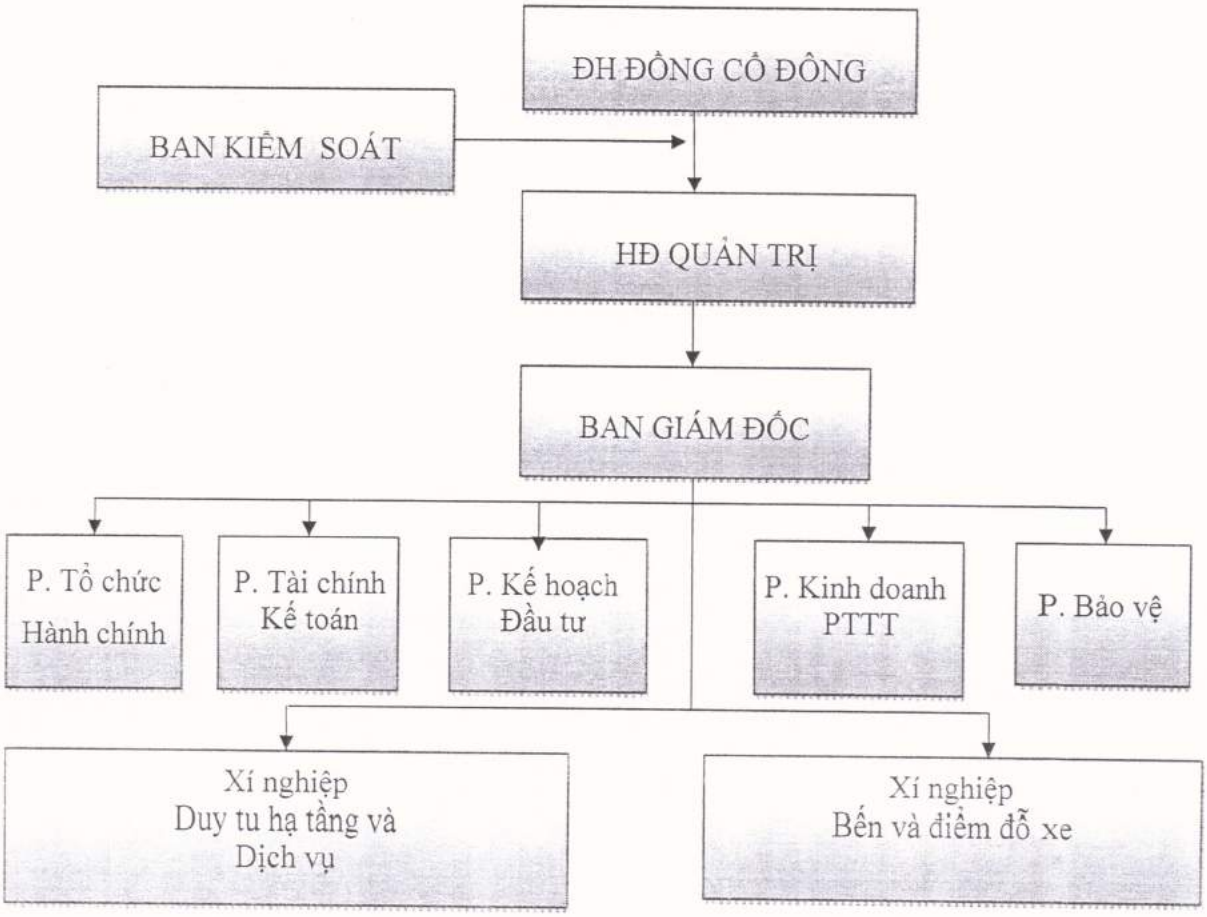

- Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

*4. Định hướng phát triển:*

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

+ Tiếp tục giữ vững ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh trong điều kiện thị trường vận tải hàng hóa có nhiều khó khăn, đảm bảo đời sống, việc làm cho đội ngũ người lao động trong Công ty.

+ Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ theo hướng chuyên nghiệp hóa, tổ chức các khóa tập huấn cho cán bộ quản lý, thị trường. Tập huấn nâng cao nghiệp vụ bảo vệ, kiểm soát của nhân viên kiểm soát Công ty.

+ Đảm bảo công tác phòng chống cháy nổ, an ninh trật tự tại Công ty, an toàn lao động, đảm bảo an toàn giao thông, phòng chống dịch bệnh, cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động và giữ gìn vệ sinh môi trường.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

+ Định hướng chiến lược phát triển trung hạn (năm 2021 - 2025): Bảo toàn vốn, đảm bảo việc làm và đời sống cho người lao động; duy trì và giữ vững sự ổn định, không ngừng nâng cao hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Nghiên cứu, phát triển những lĩnh vực kinh doanh mới phù hợp với nhu cầu thị trường, cơ sở vật chất hiện có và nguồn lực của Công ty.

+ Định hướng chiến lược dài hạn (năm 2026 - 2030): Tiếp tục thực hiện các mục tiêu, định hướng phát triển trung hạn. Tối ưu hóa hoạt động sản xuất kinh doanh theo hướng chuyên nghiệp, ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến trong sản xuất, quản trị, điều hành. Phát triển và định vị được thương hiệu trên thị trường trong các lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty.

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty:

+ Tuân thủ đầy đủ các Luật định, các Quyết định, Công ước, tiêu chuẩn liên quan của Việt Nam và Quốc tế nhằm đảm bảo chất lượng dịch vụ, bảo vệ môi trường và tuyệt đối an toàn trong các hoạt động kinh doanh dịch vụ của Công ty.

+ Thường xuyên nâng cấp, đổi mới trang thiết bị, công nghệ nâng cao trình độ chuyên môn, phong cách chuyên nghiệp, cải tiến liên tục nhằm thoả mãn nhu cầu của khách hàng và chính quyền nơi Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Hàng hóa Hà Nội đang hoạt động.

+ Ngăn ngừa, giảm thiểu các rủi ro, ô nhiễm môi trường cũng như các thương tổn hay bệnh tật giúp tránh được thiệt hại về tính mạng, tài sản, môi trường trong tất cả các hoạt động của Công ty. Tạo ra và duy trì môi trường sản xuất kinh doanh dịch vụ an toàn đảm bảo chất lượng.

*5. Các rủi ro:*

*a) Rủi ro về kinh tế:*

- *Rủi ro về tốc độ tăng trưởng và lạm phát*

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê: Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2023 tăng 5,05% so với năm 2022. Mức tăng trưởng năm nay giảm so với năm 2022, nhưng cao hơn năm 2020 và năm 2021 - thời điểm chịu ảnh hưởng của Đại dịch Covid - 19. Trong mức tăng chung của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,83%, đóng góp 8,84% vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 3,74%, đóng góp 28,87%; khu vực dịch vụ tăng 6,82%, đóng góp 62,29%. Bình quân năm 2022 CPI tăng 3,25% so với bình quân năm 2022. Lạm phát cơ bản bình quân năm 2023 tăng 4,16% so với bình quân năm 2022.

➢ *Rủi ro về lãi suất, nguồn vốn*

Tình hình lãi suất chủ yếu có xu hướng giảm, đặc biệt vào quý IV năm 2023. Về cơ bản, kỳ hạn dưới 6 tháng phổ biến ở mức 3 - 4%/năm; kỳ hạn 6 - 12 tháng phổ biến từ 4,5 – 5,5%/năm; kỳ hạn trên 12 tháng khoảng từ 5,5 - 6%/năm. Lãi suất cho vay ngắn hạn phổ biến khoảng 5 - 7%/năm, trung và dài hạn từ 6 – 8%/năm.

*b) Rủi ro về luật pháp:*

- Hiện nay, hệ thống luật pháp Việt Nam đang trong quá trình sửa đổi và hoàn thiện, việc vận dụng không phù hợp và không kịp thời sẽ tạo ra những rủi ro pháp lý trong hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Là doanh nghiệp Nhà nước chuyển sang hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần, mọi hoạt động của Công ty đều chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, Luật thuế, Luật đất đai... và các Nghị định, Thông tư, văn bản hướng dẫn dưới luật. Ngoài ra sau khi chuyển đổi, Công ty cũng chịu sự điều chỉnh của Luật chứng khoán và văn bản liên quan. Tuy nhiên, do hệ thống luật pháp đang trong giai đoạn hoàn thiện, tính ổn định cũng chưa cao nên sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra, điều đó có khả năng ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động của các doanh nghiệp.
- Việc chủ động nghiên cứu, nắm bắt và áp dụng các quy định hiện hành để đưa ra kế hoạch phát triển kinh doanh phù hợp sẽ giúp Công ty hạn chế được những rủi ro này.

*c) Rủi ro khác:*

Ngoài các rủi ro trên, các rủi ro thiên tai, đặc biệt như dịch bệnh... là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn về tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty. Đây là những rủi ro không thể loại trừ nhưng có thể giảm thiểu. Vì vậy, Công ty thường xuyên nắm bắt kịp thời thông tin về những diễn biến thiên tai, dịch bệnh để có kế hoạch giảm thiểu những ảnh hưởng, điều hành sản xuất kinh doanh một cách tối ưu.

## II. Tình hình hoạt động trong năm

*1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:*

Với sự chỉ đạo quyết liệt, linh hoạt của Ban lãnh đạo Công ty, sự đoàn kết, quyết tâm của người lao động nên doanh thu năm 2023 của Công ty thực hiện được 30,501 tỷ đồng đạt 108% kế hoạch. Trong đó:

- Lĩnh vực dịch vụ kho, ki ốt, văn phòng: thực hiện được 27,689 tỷ đồng đạt 108% kế hoạch do Công ty đã tập trung cải tạo sửa chữa kho và ki ốt để nâng cao chất lượng phục vụ, kịp thời giải quyết các đề xuất, kiến nghị của khách hàng. Đồng thời Công ty cũng tăng cường công tác khảo sát điều tra thị trường để đề ra chính sách giá dịch vụ kho, ki ốt phù hợp trong từng giai đoạn để giữ chân khách hàng cũ và tìm kiếm khách hàng mới.

- Lĩnh vực kinh doanh trông giữ phương tiện: thực hiện được 2,058 tỷ đồng đạt 105% kế hoạch, kết quả đạt được do nền kinh tế có sự phục hồi và hoạt động vận tải hàng hóa có sự chuyển biến tích cực.

- Chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế: thực hiện được 3,771 tỷ đồng vượt kế hoạch đề ra, Ban Giám đốc Công ty đã quyết liệt chỉ đạo các đơn vị trong việc thực hiện các giải pháp đó là:

+ Công ty cũng đã xây dựng phương án sản xuất kinh doanh hợp lý nên đã giữ vững được ổn định trong sản xuất kinh doanh, đảm bảo an toàn về mọi mặt.

+ Giữ vững doanh thu: Linh hoạt trong hoạt động sản xuất kinh doanh, tăng cường nâng cao chất lượng dịch vụ để giữ chân khách hàng.

+ Sắp xếp, bố trí hợp lý lao động trong công tác sản xuất kinh doanh, hạn chế việc tuyển dụng lao động thay thế các vị trí nghỉ chế độ.

+ Lập kế hoạch và triển khai tiết giảm tối đa chi phí như vật rẻ mau hỏng, văn phòng phẩm, điện, nước…

Kết quả: Mặc dù còn gặp nhiều khó khăn do suy thoái kinh tế toàn cầu, nền kinh tế trong nước phục hồi chậm nhưng sau khi triển khai hàng loạt các biện pháp, giải pháp trên, Công ty đã hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà Nước và đảm bảo đời sống cho người lao động, an toàn về mọi mặt.

*2. Tổ chức và nhân sự:*

- Danh sách Ban điều hành:

| STT | Họ và tên | Ngày sinh | Trình độ chuyên môn | Vị trí lãnh đạo |
|---|---|---|---|---|
| 1. | Nguyễn Anh Tuấn | 01/11/1975 | Th sỹ quản lý kinh tế | Ủy viên HĐQT - Giám đốc Công ty - Đại diện theo pháp luật của Công ty |
| 2. | Đinh Quang Tùng | 11/11/1977 | Th sỹ QTKD quốc tế | Phó Giám đốc Công ty |
| 3. | Dương Bảo Kiên | 19/06/1965 | Kỹ sư Kinh tế xây dựng | Kế toán trưởng Công ty |

- Những thay đổi trong ban điều hành: Không có.

- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động.

Tổng số lao động có tên trong danh sách của Công ty Cổ Phần Vận tải và Dịch vụ Hàng hóa Hà Nội đến thời điểm 31/12/2023 là: 77 người.

Cơ cấu nhân sự được tổng hợp như sau:

| Tiêu chí | Số lượng | Tỷ trọng % |
|---|---|---|
| Trình độ Đại học và trên Đại học | 34 | 44,2% |
| Trình độ cao đẳng, trung cấp | 06 | 7,8% |
| Trình độ sơ cấp, công nhân kỹ thuật | 17 | 22 % |
| Công nhân phổ thông và lao động khác | 20 | 26% |
| **TỔNG CỘNG** | **77** | **100%** |

*3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:*

a) Các khoản đầu tư lớn: Không có.

b) Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

*4. Tình hình tài chính:*

a) Tình hình tài chính

| Chỉ tiêu | Năm 2022 | Năm 2023 | % tăng giảm |
|---|---|---|---|
| **** Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng:*** | | | |
| Tổng giá trị tài sản | 33.762.700.604 | 35.017.066.858 | 3.7 |
| Doanh thu thuần | 29.568.067.372 | 30.501.70.102 | 3.1 |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 3.587.714.346 | 3.959.223.908 | 10.4 |
| Lợi nhuận khác | -14.327.156 | -187.525.486 | -1308 |
| Lợi nhuận trước *thuế* | 3.573.387.190 | 3.771.698.422 | 33.19 |
| Lợi nhuận sau thuế | 2.831.758.534 | 2.676.907.914 | -5.47 |
| Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức | | | |

- Căn cứ Quyết định số 25/2023/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ ngày 03/10/2023 về việc giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước của năm 2023, Công ty đã nhận được:

+ Quyết định số: 88883/QĐ-CTHN-QLĐ của Cục Thuế TP Hà Nội ngày 19/12/2023 về việc giảm tiền thuê đất theo Quyết định số 25/2023/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ ngày 03/10/2023 tại địa điểm đất thuê: 23 Hàn Thuyên, phường Phạm Đình Hổ, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, số tiền được giảm: 57.156.111 đồng (*Năm mươi bảy triệu, một trăm năm mươi sáu nghìn, một trăm mười một đồng*).

+ Quyết định số: 87585/QĐ-CTHN-QLĐ của Cục Thuế TP Hà Nội ngày 14/12/2023 về việc giảm tiền thuê đất theo Quyết định số 25/2023/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ ngày 03/10/2023 tại địa điểm đất thuê: số 27/785 đường Trương Định, phường Thịnh Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội, số tiền được giảm: 3.405.504.389 đồng (*Ba tỷ, bốn trăm linh năm triệu, năm trăm linh bốn nghìn, ba trăm tám mươi chín đồng*).

- Các chỉ tiêu khác: Không có

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

| Chỉ tiêu | Năm 2022 | Năm 2023 | Ghi chú |
|---|---|---|---|
| *1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán*<br>+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:<br>Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn<br>+ Hệ số thanh toán nhanh:<br>(Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn | <br><br>2.21<br><br>2.21 | <br><br>2.72<br><br>2.72 | |
| 2. *Chỉ tiêu về cơ cấu vốn*<br>+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản<br>+ Hệ số Nợ/vốn chủ sở hữu | <br>0.31<br>0.45 | <br>0.27<br>0.37 | |
| *3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động:*<br>+ Vòng quay hàng tồn kho:<br>Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân<br>+ Vòng quay tổng tài *Sản:*<br>Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân | <br><br><br><br>0.88 | <br><br><br><br>0.87 | |
| *4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời*<br>+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần<br>+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu<br>+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng | <br>9.58<br><br>12.14<br><br>8.39 | <br>8.78<br><br>10.49<br><br>7.64 | |

| | | | |
|---|---|---|---|
| tài sản<br>+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần | 12.13 | 12.98 | |

5. *Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.*

a) Cổ phần:

Tính đến 31/12/2023, tổng số cổ phần của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Hàng hóa Hà Nội là 1.440.000 cổ phần

Trong đó :

- Số cổ phần phổ thông, tự do chuyển nhượng đang lưu hành: 1.300.420 cổ phần
- Số cổ phần ưu đãi, hạn chế chuyển nhượng: 139.580 cổ phần

b) Cơ cấu cổ đông:

| Danh mục | Cổ đông trong nước | | Cổ đông nước ngoài | |
|---|---|---|---|---|
| | Số lượng cổ phiếu | Tỷ lệ (%) | Số lượng cổ phiếu | Tỷ lệ (%) |
| Cổ đông sở hữu từ 5% cổ phiếu trở lên có quyền biểu quyết. | 1.258.560 | 87.40% | 0 | 0 |
| Cổ đông sở hữu từ 1% đến dưới 5% cổ phiếu có quyền biểu quyết. | 78.000 | 5.42% | 0 | 0 |
| Cổ đông nắm giữ dưới 1% cổ phiếu có quyền biểu quyết. | 103.440 | 7.18% | 0 | 0 |

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Trong năm 2023 Công ty không thực hiện giao dịch liên quan đến cổ phiếu quỹ.

e) Các chứng khoán khác: Không có.

*6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty*

*6.1. Tác động lên môi trường:*

- Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp.

+ Kết quả các chỉ tiêu quan trắc môi trường không khí hằng năm của Công ty đều nằm trong giới hạn cho phép của Quy chuẩn QCVN 05:2013/BTNMT.

- Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính:

+ Phổ biến, tuyên truyền đến tất cả người lao động và khách hàng nâng cao nhận thức về việc giảm thiểu phát thải khí nhà kính;

+ Thu gom rác thải, đảm bảo vệ sinh hàng ngày;

+ Tiết kiệm văn phòng phẩm như: giấy, mực in và các đồ dùng khác;

+ Sử dụng các thiết bị tiết kiệm điện;

+ Trồng thêm cây xanh để giảm thiểu phát thải khí nhà kính.

*6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:*

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm: Không có.

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Không có.

*6.3. Tiêu thụ năng lượng:*

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:

- Lượng tiêu thụ điện của Công ty trong năm 2023 là 412.080 Kwh.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả:

- Công ty đã thực hiện tiết kiệm điện bằng những giải pháp như: Phổ biến, tuyên truyền đến tất cả người lao động và khách hàng về việc tiết kiệm điện; sử dụng bóng đèn Led; sử dụng điều hòa một cách hợp lý trong mùa nắng nóng; khi hết giờ làm việc, tắt toàn bộ bóng đèn cũng như các hệ thống điện khác.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này: Không có.

*6.4. Tiêu thụ nước:*

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:

Công ty sử dụng nguồn nước sạch tập trung do Xí nghiệp kinh doanh nước sạch Hoàng Mai cung cấp. Lưu lượng nước sử dụng cho các hoạt động kinh doanh trung bình 20m3/ngày.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Không có.

*6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:*

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không.

*6.6. Chính sách liên quan đến người lao động*

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động. Năm 2023 lao động sử dụng trung bình là 78 người và mức lương bình quân: 8.406.000/lđ/tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động. Các chế độ chính sách đối với người lao động được thực hiện đầy đủ, điều kiện làm việc được cải thiện đảm bảo sức khỏe cho người lao động như: Chế độ ăn

giữa ca, khám sức khỏe định kỳ, chế độ cho lao động nữ, quà cho người lao động vào các dịp Lễ tết, Ngày thành lập Công ty 16/5, Ngày quốc tế phụ nữ 8/3, Ngày quốc phòng toàn dân 22/12… Công ty thường xuyên tổ chức các hoạt động thăm hỏi, động viên các gia đình cán bộ công nhân lao động gặp nhiều khó khăn, các gia đình cán bộ hưu trí, gia đình chính sách… với tổng số tiền chi cho các hoạt động này gần 300 triệu đồng.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên

Hàng năm Công ty tổ chức các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ bảo vệ, PCCC, ANQP…nhằm nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ, bổ sung kiến thức cho lực lượng bảo vệ…Trung bình 16 giờ/lđ/năm.

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp.*(Không có)*

*6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.*

Công ty luôn chú trọng đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương, hoạt động kinh doanh không gây ảnh hưởng đến những khu dân cư xung quanh, đảm bảo an toàn về mọi mặt như: An ninh trật tự, phòng cháy chữa cháy, môi trường, phòng chống dịch bệnh...

*6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Không có*

## III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty)

Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:

*1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh*

- Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2023 tăng 5,05% so với năm 2022, điều này đã tác động tích cực đến hoạt động kinh doanh của Công ty vốn phụ thuộc vào thị trường luân chuyển tiêu thụ hàng hóa và thị trường kinh doanh đa ngành của khách hàng sử dụng dịch vụ. Tuy nhiên một số khách hàng của Công ty là các doanh nghiệp nhỏ hiện vẫn gặp nhiều khó khăn dẫn đến việc dừng hợp đồng trước hạn.

- Chi phí của doanh nghiệp đều tăng do có sự thay đổi chế độ chính sách của Nhà nước như: BHXH, BHYT, BHTN,…và thực hiện Luật Môi trường, Luật phòng cháy chữa cháy.

- Nguồn tài chính của Công ty còn hạn hẹp trong khi việc vay hoặc huy động vốn từ các nguồn khác để triển khai các hạng mục cải tạo và duy tu cơ sở vật chất kỹ thuật gặp rất nhiều khó khăn vì cơ sở hạ tầng của Công ty đầu tư đã lâu, xuống cấp.

- Tình hình trật tự trị an, an toàn cho cơ sở bến bãi vẫn diễn biến phức tạp. Nguy cơ mất an toàn, cháy nổ rất lớn và đặc biệt đối với công tác quản lý nhà kho, ki ốt, trông giữ phương tiện.

- Đối với Hợp đồng góp vốn nâng cấp, cải tạo kho xưởng để kinh doanh số 09/HĐ-GVKD ngày 23/02/2002 giữa Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Hàng hóa Hà Nội và Công ty Cổ phần Công nghiệp Việt Nam, Theo Biên bản làm việc ngày 28/3/2024: hai bên thống nhất ký Phụ lục Hợp đồng gia hạn từ ngày 23/02/2019 đến hết ngày 31/12/2023; phân phối kết quả kinh doanh năm 2019 đến hết năm 2023 theo Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán và tiếp tục ký Phụ lục Hợp đồng gia hạn từ 01/01/2024 đến 31/12/2026.

Trước những khó khăn trên, Công ty đã có những giải pháp, biện pháp quyết liệt trong công tác phòng chống dịch bệnh, đảm bảo an toàn về mọi mặt; linh hoạt trong công tác điều hành sản xuất kinh doanh phù hợp với diễn biến thực tế; tiết giảm tối đa các chi phí nên Công ty đã hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà Nước và đảm bảo việc làm, đời sống cho người lao động.

*Đơn vị: đồng*

| Chỉ tiêu | TH 2022 | TH 2023 | % tăng trưởng |
|---|---|---|---|
| Doanh thu hoạt động kinh doanh | 29.934.032.221 | 31.381.735.732 | 3.16 |
| Lợi nhuận trước thuế (đồng) | 3.573.387.190 | 3.771.698.442 | 5.55 |
| Lợi nhuận sau thuế (đồng) | 2.831.758.534 | 2.676.907.914 | -5.47 |

* Những tiến bộ công ty đã đạt được:

Với những biến động, suy thoái của nền kinh tế thế giới và sự phục hồi chậm của kinh tế trong nước, Công ty đã hết sức chủ động đưa ra hàng loạt giải pháp mang tính kịp thời và linh hoạt trong hoạt động sản xuất kinh doanh để hoàn thành mục tiêu: vừa đảm bảo an toàn về mọi mặt, vừa hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh đã đề ra, đảm bảo được việc làm và đời sống cho người lao động. Đây là những tiến bộ và tiền đề cho hoạt động sản xuất kinh doanh những năm tiếp theo.

*2. Tình hình tài chính*

Trong năm công ty không huy động vốn. Công ty đã hết sức chủ động đưa ra hàng loạt giải pháp mang tính kịp thời và linh hoạt nên đã giữ vững và có sự tăng trưởng về doanh thu.

*3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.*

*4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:*

- Bảo toàn vốn, đảm bảo việc làm và đời sống cho người lao động; duy trì và giữ vững sự ổn định, không ngừng nâng cao hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Nghiên cứu, phát triển những lĩnh vực kinh doanh mới phù hợp với nhu cầu thị trường, cơ sở vật chất hiện có và nguồn lực của Công ty.
- Ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến trong sản xuất, quản trị, điều hành. Phát triển và định vị được thương hiệu trên thị trường trong các lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

*5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có): (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần).* Không có

*6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty*

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải).

Công ty luôn đề cao ý thức về bảo vệ môi trường, tuyên truyền và thực hiện các biện pháp tiết kiệm tiêu thụ nước, tiêu thụ điện, giảm thiểu khí thải nhà kính.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương: Công ty luôn chủ động phòng ngừa không để xảy ra các nguy cơ mất an toàn cho cộng đồng địa phương.

**IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần).**

*1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội.*

- Mặc dù còn gặp nhiều khó khăn nhưng Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Hàng hóa Hà Nội đã hoàn thành các chỉ tiêu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2023, bảo toàn vốn, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước.

- Công ty luôn quan tâm, đảm bảo đời sống và các chế độ chính sách cho người lao động.

- Công ty đã đảm bảo an toàn về mọi mặt như: An ninh trật tự, phòng chống cháy nổ, vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh…

*2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty:*

- Giám đốc đã thực hiện đầy đủ chức năng nhiệm vụ điều hành sản xuất, kinh doanh, báo cáo kịp thời các nội dung đề nghị và trình Hội đồng quản trị xem xét, phê duyệt, tổ chức thực hiện nghiêm túc các nghị quyết của Hội đồng quản trị. Tổ chức triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp với nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, chỉ đạo của Hội đồng quản trị và tuân thủ đúng Điều lệ doanh nghiệp, các quy định của pháp luật;

- Giám đốc thực hiện nghiêm túc việc báo cáo định kỳ về tình hình sản xuất, kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty. Báo cáo hàng quý được Giám đốc báo cáo trong các cuộc họp Hội đồng quản trị.

- Giám đốc có phân công nhiệm vụ rõ ràng cho Phó Giám đốc và thường xuyên tổ chức họp giao ban để đánh giá kết quả thực hiện công việc và triển khai giao kế hoạch công việc.

- Ban Giám đốc nhận thức rõ những khó khăn, thách thức và thuận lợi của Công ty nên đã chủ động, linh hoạt trong việc điều hành các hoạt động kinh doanh dịch vụ, đồng thời ban hành các văn bản tài liệu nội bộ theo thẩm quyền nhằm kiểm soát có hiệu quả mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Thực hiện tốt vai trò kiểm soát ngay từ Ban điều hành và công tác quản lý cấp trung.

- Tổ chức triển khai thực hiện đầy đủ, đúng quy định về chế độ đối với người lao động Công ty.

*3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị*

- Tiếp tục giữ vững ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh trong bối cảnh nền kinh tế thế giới và trong nước có thể còn nhiều biến động, tiền thuê đất có thể sẽ tăng cao, điều kiện thị trường, môi trường kinh doanh gặp nhiều khó khăn; duy trì và phát triển thị phần, đảm bảo đời sống, việc làm cho đội ngũ cán bộ công nhân lao động toàn Công ty.

- Nâng cao chất lượng đội ngũ theo hướng chuyên nghiệp hóa, tổ chức các khóa tập huấn cho cán bộ quản lý, thị trường.

- Tăng cường quản trị thương hiệu, và tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp.

- Nghiên cứu phát triển ngành nghề kinh doanh thương mại, dịch vụ để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, tăng tỷ lệ cổ tức hàng năm và đóng góp ngân sách Nhà nước.

- Đảm bảo công tác an ninh trật tự, phòng chống cháy nổ, phòng chống dịch bệnh, cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động và giữ gìn vệ sinh môi trường.

## V. Quản trị công ty

*1. Hội đồng quản trị:*

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị.

| STT | Tên tổ chức/ cá nhân | Chức vụ tại Công ty | Số cổ phiếu HHN sở hữu tại 31/12/2021 | Tỉ lệ (%) |
|---|---|---|---|---|
| 1. | Bùi Hồng Sơn | Chủ tịch HĐQT | 260.000 CP (Đại diện vốn Tổng Công ty Vận tải Hà Nội) | 18,06% |
| 2. | Phạm Hải Đăng | Phó Chủ tịch HĐQT | 26.000 CP (Đại diện vốn Công ty Cổ phần Công nghiệp Việt Nam) | 1,81% |
| 3. | Trần Thị Huế | Thành viên HĐQT | 360.000 CP (Đại diện vốn Công ty Cổ phần Quan hệ quốc tế Đầu tư sản xuất) | 25% |
| 4. | Vũ Hữu Tuyến | Thành viên HĐQT | 210.000 CP (Đại diện vốn Tổng Công ty Vận tải Hà Nội) | 14,58% |
| 5. | Nguyễn Anh Tuấn | Thành viên HĐQT - Giám đốc - Người đại diện theo pháp luật Cty | 210.000 CP (Đại diện vốn Tổng Công ty Vận tải Hà Nội) | 14,58% |

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội.

| STT | Số, Nghị quyết/ quyết định | Ngày | Nội dung |
|---|---|---|---|
| 1 | 42/NQ-HĐQT | 24/02/2023 | Về việc Tổ chức họp Đại hội cổ đông thường niên năm 2023. |
| 2 | 76/NQ-HĐQT | 27/3/2023 | Thông qua Dự thảo văn bản trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 |
| 3 | 106/2023/NQ-ĐHĐCĐ | 18/04/2023 | 1. Thông qua Báo cáo của Ban Giám đốc về kết quả SXKD năm 2022 và phương hướng nhiệm vụ năm 2023.<br>2. Thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2022.<br>3. Thông quan phương án phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2022.<br>4. Thông qua tờ trình tổng mức thù lao, tiền thưởng và ngân sách hoạt động của HĐQT, Ban kiểm soát.<br>5. Thông qua Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2022 và phương hướng nhiệm vụ của Hội đồng quản trị năm 2023.<br>6. Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2022.<br>7. Thông qua Tờ trình lựa chọn Tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023. |
| 4 | 147/NQ-HĐQT | 14/7/2023 | - Thông qua Kết quả SXKD 6 tháng đầu năm 2023 và nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm 2023 |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | | | - Chấp thuận Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 được kiểm toán phát hành ngày 26/6/2023 thay thế Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 được kiểm toán phát hành ngày 13/3/2023.<br>- Thống nhất phương án lấy ý kiến các cổ đông bằng văn bản để thông qua Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 được kiểm toán phát hành ngày 26/6/2023. |
| 5 | 173/NQ-HĐQT | 30/8/2023 | Về việc chi trả cổ tức năm 2022 |
| 6 | 215/NQ-HĐQT | 16/11/2023 | Về việc lựa chọn Công ty Kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023. |

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm.

*2. Ban Kiểm soát:*

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát.

| STT | Tên tổ chức/ cá nhân | Chức vụ tại Công ty | Số cổ phiếu HHN sở hữu tại 31/12/2021 | Tỉ lệ (%) |
|---|---|---|---|---|
| 1. | Lê Quỳnh Trang | Trưởng Ban Kiểm soát | 7.420 CP (Đại diện vốn Tổng Công ty Vận tải Hà Nội) | 0,52% |
| 2. | Phan Bá Triều | Thành viên Ban kiểm soát | 23.560 CP (Đại diện vốn Công ty Cổ phần Quan hệ quốc tế Đầu tư sản xuất) | 1,63% |
| 3. | Nguyễn Đức Duy | Thành viên Ban kiểm soát | 0 | 0% |

b) Hoạt động của Ban kiểm soát: số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát.

| Số lượng cuộc họp | Ngày | Nội dung |
|---|---|---|
| 1. | 05/04/2023 | Thông qua BCTC năm 2022 đã được kiểm toán. Thống nhất trách nhiệm của các thành viên ban Kiểm soát. Đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán để cung cấp dịch vụ kiểm toán BCTC năm 2023 |

*3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát:*

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích.

Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát có lương quản lý theo quy định của Điều lệ Công ty và đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

- Thù lao, chi phí của Hội đồng quản trị:

+ HĐQT Công ty gồm 05 người với 01 Chủ tịch, 01 Phó Chủ tịch và 03 Thành viên.

+ Thành viên HĐQT hoạt động theo chế độ không chuyên trách 04.

+ Thành viên HĐQT hoạt động theo chế độ chuyên trách 01

+ Tổng mức thù lao, tiền thưởng của HĐQT năm 2023: **72.000.000 đồng**. Trong đó mỗi thành viên HĐQT hưởng mức thù lao 1.500.000đ/tháng. Trường hợp ông Nguyễn Anh Tuấn - Ủy viên HĐQT, Giám đốc Công ty làm việc theo chế độ chuyên trách không được hưởng thù lao HĐQT.

- Thù lao, chi phí của Ban Kiểm soát:

+ BKS Công ty gồm 03 người với 01 Trưởng Ban, và 02 Ủy viên.

+ Thành viên BKS hoạt động theo chế độ bán chuyên trách, mọi chi phí hoạt động của BKS được lấy từ nguồn thù lao của BKS theo đúng quy định.

Tổng mức thù lao, tiền thưởng của BKS năm 2023: **36.000.000 đồng**, trong đó thù lao của Trưởng ban kiểm soát là 18.000.000 đồng. Còn lại là thù lao của các Thành viên Ban kiểm soát.

* Tổng thù lao của HĐQT và Ban kiểm soát trong năm 2023 là: **108.000.000** đồng.

* Chi phí của Ban Giám đốc Công ty:

Ban Giám đốc Công ty gồm 02 người với 01 Giám đốc, 01 Phó Giám đốc làm việc theo chế độ chuyên trách, được hưởng các chi phí về liên lạc thông tin, Giám đốc Công ty được hưởng chi phí đi lại.

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: Không có.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: Không có.

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

*- Đối với HĐQT:*

+ HĐQT Công ty gồm 05 thành viên. Trong năm 2023 BKS tham dự 100% các cuộc họp của HĐQT. Qua giám sát, BKS đánh giá HĐQT tổ chức triển khai thực hiện đúng Nghị quyết của ĐHĐCĐ và các Nghị quyết của HĐQT. Các vấn đề, nội dung cuộc họp được HĐQT chuẩn bị chu đáo và được thảo luận công khai, biểu quyết thông qua phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị.

+ Các phiên họp của Hội đồng quản trị có số thành viên dự họp đảm bảo theo đúng quy định của Điều lệ Công ty.

*- Đối với Ban Giám đốc:*

+ Ban Giám đốc Công ty đã triển khai các nghị quyết của ĐHĐCĐ, nghị quyết của HĐQT và thực hiện điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh theo đúng chức năng nhiệm vụ và quyền hạn được quy định trong Điều lệ Công ty. Nội dung chỉ đạo điều hành của Ban Giám đốc tuân thủ đúng các nghị quyết của ĐHĐCĐ và nghị quyết của HĐQT. Cụ thể:

+ Đã tổ chức thực hiện các nội dung yêu cầu đối với công ty đại chúng;

+ Đã nghiên cứu và áp dụng các biện pháp cải tiến trong quản trị doanh nghiệp và quản lý vật tư, trang thiết bị;

+ Đã triển khai các giải pháp để đưa Công ty vượt qua khó khăn, đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động, kết quả sản xuất kinh doanh vẫn duy trì đảm bảo lợi nhuận.

+ Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc tổ chức công tác tài chính kế toán, thực hiện hạch toán kế toán và lập các báo cáo tài chính theo đúng quy định.

+ Các số liệu trên sổ sách kế toán chi tiết (sổ cái tài khoản) khớp với sổ kế toán tổng hợp (bảng cân đối kế toán).

+ Cuối mỗi tháng, số dư tài khoản tiền gửi ngân hàng trên sổ sách kế toán của Công ty khớp với số dư tài khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty trên sổ phụ ngân hàng.

+ Công ty đã mở sổ kế toán và sổ quỹ theo đúng quy định hiện hành. Việc ghi chép, cập nhật các phiếu thu, phiếu chi và báo nợ, báo có của ngân hàng được thực hiện được kịp thời, chính xác hàng ngày.

+ Việc thu chi tiền mặt và tiền gửi chấp hành đúng quy định.

+ Công ty đã mở sổ chi tiết tài sản, báo cáo tăng giảm tài sản cố định (TSCĐ), phản ánh toàn bộ TSCĐ hiện có làm cơ sở trích khấu hao TSCĐ.

+ Công ty thực hiện mua sắm TSCĐ theo đúng số lượng, đúng mục đích sử dụng và đảm bảo định mức quy định của HĐQT Công ty.

+ Công ty thực hiện nghiêm túc việc thuê đơn vị kiểm toán độc lập để soát xét Báo cáo tài chính hàng năm đúng quy định đối với Công ty đại chúng.

+ Các chế độ chính sách của người lao động được đảm bảo và từng bước được cải thiện, nâng cao.

+ Người lao động được Công ty đóng đầy đủ các loại bảo hiểm bắt buộc; được trả tiền lương, tiền công cơ bản đúng thời hạn.

Nhờ có sự phối hợp chặt chẽ giữa HĐQT, BKS, Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý khác mà Công ty đã đạt kết quả sản xuất kinh doanh theo kế hoạch, đảm bảo quyền lợi cho các cổ đông và quyền lợi chính đáng của người lao động.

## VI. Báo cáo tài chính

*Báo cáo tài chính được kiểm toán:* (Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế

toán và kiểm toán. Trường hợp theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán, công ty phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp thì Báo cáo tài chính trình bày trong Báo cáo thường niên là Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp đồng thời nêu địa chỉ công bố, cung cấp báo cáo tài chính của công ty mẹ.

**Nơi nhận:**
- Như kính gửi;
- Lưu: VT HHN

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**
GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 0100105729 C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ HÀNG HÓA HÀ NỘI Q. HOÀNG MAI TP. HÀ NỘI

**Nguyễn Anh Tuấn**

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ HÀNG HÓA HÀ NỘI

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ HÀNG HÓA HÀ NỘI
DN: C=VN, S=HÀ NỘI, L=Hoàng Mai, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ HÀNG HÓA HÀ NỘI, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0100105729
Reason: I am the author of this document
Location: 12345678
Date: 2024.04.12 14:34:56+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 12.1.3

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

# CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ HÀNG HÓA HÀ NỘI

# MỤC LỤC


| | | Trang |
|---|---|---|
| 1. | Mục lục | 1 |
| 2. | Báo cáo của Ban Giám đốc | 2 - 3 |
| 3. | Báo cáo kiểm toán độc lập | 4 - 5 |
| 4. | Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 | 6 - 9 |
| 5. | Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 | 10 |
| 6. | Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 | 11 - 12 |
| 7. | Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 | 13 - 27 |


**********

# BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ hàng hóa Hà Nội (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

**Khái quát về Công ty**

Công ty là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Công ty Nhà nước - Công ty Vận tải và Dịch vụ hàng hóa Hà Nội theo Quyết định số 2480/QĐ-UB ngày 16 tháng 6 năm 1999 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103000140, đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 10 năm 2000 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 16 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do thay đổi vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật, địa chỉ trụ sở chính, ngành nghề kinh doanh. Trong đó, đăng ký thay đổi lần thứ 16 là ngày 21 tháng 5 năm 2019 về việc thay đổi ngành nghề đăng ký kinh doanh.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Số 27/785 đường Trương Định, phường Thịnh Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
- Điện thoại : 0243 6423 611
- Fax : 0243 8642 881

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là dịch vụ bến, bãi, kho xưởng, quầy quán.

**Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý**

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

***Hội đồng quản trị***

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm |
|---|---|---|
| Ông Bùi Hồng Sơn | Chủ tịch | Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2020 |
| Ông Phạm Hải Đăng | Phó Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2020 |
| Bà Trần Thị Huế | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 16 tháng 06 năm 2021 |
| Ông Vũ Hữu Tuyến | Ủy viên | Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2020 |
| Ông Nguyễn Anh Tuấn | Ủy viên | Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2020 |

***Ban kiểm soát***

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm/Tái bổ nhiệm |
|---|---|---|
| Bà Lê Quỳnh Trang | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2020 |
| Ông Phan Bá Triều | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2020 |
| Ông Nguyễn Đức Duy | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2020 |

***Ban Giám đốc và Kế toán trưởng***

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày tái bổ nhiệm |
|---|---|---|
| Ông Nguyễn Anh Tuấn | Giám đốc | Ngày 20 tháng 06 năm 2020 |
| Ông Đinh Quang Tùng | Phó Giám đốc | Ngày 20 tháng 06 năm 2020 |
| Ông Dương Bảo Kiên | Kế toán trưởng | Ngày 20 tháng 06 năm 2020 |

**Đại diện theo pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Anh Tuấn - Giám đốc (tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 06 năm 2020).

**Kiểm toán viên**

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C tại Hà Nội đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác. Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

**Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc,
**Giám đốc**

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ HÀNG HÓA HÀ NỘI

**Nguyễn Anh Tuấn**

Ngày 21 tháng 03 năm 2024

Số: 2.0204/24/TC-AC

# BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**
**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ HÀNG HÓA HÀ NỘI**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ hàng hóa Hà Nội (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 21 tháng 03 năm 2024, từ trang 06 đến trang 27, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Hàng hóa Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



A&C Auditing and Consulting Co., Ltd. trading as Baker Tilly A&C is a member of the global network of Baker Tilly International Ltd., the members of which are separate and independent legal entities

**Vấn đề cần nhấn mạnh**

Không phủ nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến các vấn đề sau:

- Theo thuyết minh số V.1 đang phản ánh số dư tiền gửi không kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển – Chi nhánh Thanh Trì, số tiền: 4.316.451 VND. Người đứng tên chủ tài khoản này là Lãnh đạo cũ đã nghỉ hưu hoặc chuyển công tác của Công ty, Công ty không phát sinh giao dịch của tại tài khoản này kể từ năm 2010 cho đến nay và cũng chưa làm các thủ tục đóng tài khoản cũng như chuyển đổi thông tin chủ tài khoản.

- Theo thuyết minh số V.14a, đối với Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 09 ngày 23 tháng 02 năm 2002 giữa Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ hàng hóa Hà Nội và Công ty Cổ phần Công nghiệp Việt Nam và phụ lục đính kèm, Công ty đang tạm phân chia kết quả hợp tác kinh doanh theo tỷ lệ hai bên thỏa thuận là: Công ty hưởng 8/15, Công ty Cổ phần Công nghiệp Việt Nam hưởng 7/15. Theo đó Công ty đã ghi nhận lợi nhuận trước thuế TNDN năm 2023 là 764.013.008 VND, lũy kế đến 31 tháng 12 năm 2023 là 2.563.543.934 VND. Kết quả này có thể thay đổi khi hai bên thực hiên quyết toán toàn bộ giá trị hợp đồng hợp tác kinh doanh.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C**
**Chi nhánh Hà Nội**

CHI NHÁNH CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C TẠI HÀ NỘI

| | |
|---|---|
| **Vũ Minh Khôi – Thành viên Ban Giám đốc** | **Vũ Tuấn Nghĩa - Kiểm toán viên** |
| *Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2897-2020-008-1* | *Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 4028-2022-008-1* |

Người được ủy quyền
Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2024

# BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023**

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|---|---|
| **A - TÀI SẢN NGẮN HẠN** | **100** | | **23.828.308.922** | **23.067.971.112** |
| **I. Tiền và các khoản tương đương tiền** | **110** | **V.1** | **10.057.558.265** | **9.455.191.361** |
| 1. Tiền | 111 | | 3.520.906.358 | 4.633.755.062 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 6.536.651.907 | 4.821.436.299 |
| **II. Đầu tư tài chính ngắn hạn** | **120** | | **5.870.420.584** | **5.681.315.129** |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | | - | - |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 122 | | - | - |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | V.2 | 5.870.420.584 | 5.681.315.129 |
| **III. Các khoản phải thu ngắn hạn** | **130** | | **4.363.249.132** | **4.438.806.999** |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.3 | 3.427.335.025 | 3.472.943.541 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | V.4 | 370.906.274 | 462.269.911 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | | - | - |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.5 | 2.550.803.362 | 2.436.977.936 |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | V.6 | (1.985.795.529) | (1.933.384.389) |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | - | - |
| **IV. Hàng tồn kho** | **140** | | - | - |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | - | - |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | - | - |
| **V. Tài sản ngắn hạn khác** | **150** | | **3.537.080.941** | **3.492.657.623** |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.7a | 74.420.441 | 29.997.122 |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | - | - |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | V.12 | 3.462.660.500 | 3.462.660.501 |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 154 | | - | - |
| 5 Tài sản ngắn hạn khác | 155 | | - | - |

**Bảng cân đối kế toán** (tiếp theo)

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|---|---|
| **B - TÀI SẢN DÀI HẠN** | **200** | | **11.188.757.936** | **10.694.729.492** |
| **I. Các khoản phải thu dài hạn** | **210** | | - | - |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn | 212 | | - | - |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 213 | | - | - |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn | 214 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | | - | - |
| 6. Phải thu dài hạn khác | 216 | | - | - |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | - | - |
| **II. Tài sản cố định** | **220** | | **4.459.136.196** | **3.736.100.897** |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.8 | 4.459.136.196 | 3.736.100.897 |
| *Nguyên giá* | *222* | | *35.335.754.094* | *33.396.011.094* |
| *Giá trị hao mòn lũy kế* | *223* | | *(30.876.617.898)* | *(29.659.910.197)* |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| *Nguyên giá* | *225* | | - | - |
| *Giá trị hao mòn lũy kế* | *226* | | - | - |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | | - | - |
| *Nguyên giá* | *228* | | *569.841.218* | *569.841.218* |
| *Giá trị hao mòn lũy kế* | *229* | | *(569.841.218)* | *(569.841.218)* |
| **III. Bất động sản đầu tư** | **230** | **V.9** | **6.275.332.443** | **6.669.362.439** |
| Nguyên giá | 231 | | 8.668.659.843 | 8.668.659.843 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 232 | | (2.393.327.400) | (1.999.297.404) |
| **IV. Tài sản dở dang dài hạn** | **240** | | - | - |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | | - | - |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | | - | - |
| **V. Đầu tư tài chính dài hạn** | **250** | | - | - |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | | - | - |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | | - | - |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | | - | - |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | - | - |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | | - | - |
| **VI. Tài sản dài hạn khác** | **260** | | **454.289.297** | **289.266.156** |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.7b | 454.289.297 | 289.266.156 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | - | - |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263 | | - | - |
| 4. Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - |
| **TỔNG CỘNG TÀI SẢN** | **270** | | **35.017.066.858** | **33.762.700.604** |

**Bảng cân đối kế toán** (tiếp theo)

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|---|---|
| **C - NỢ PHẢI TRẢ** | **300** | | **9.508.810.839** | **10.433.926.789** |
| **I. Nợ ngắn hạn** | **310** | | **8.745.366.839** | **10.433.926.789** |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.10 | 1.584.834.234 | 1.328.649.562 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | V.11 | 173.395.930 | 859.269.909 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.12 | 972.154.037 | 868.308.537 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 363.125.250 | 383.247.550 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | | - | 194.082.364 |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn | 316 | | - | - |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317 | | - | - |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | V.13 | 639.433.933 | 988.043.100 |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.14a | 4.928.066.750 | 5.740.673.412 |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | | - | - |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | | - | - |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | V.15 | 84.356.705 | 71.652.355 |
| 13. Quỹ bình ổn giá | 323 | | - | - |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 324 | | - | - |
| **II. Nợ dài hạn** | **330** | | **763.444.000** | **-** |
| 1. Phải trả người bán dài hạn | 331 | | - | - |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn | 332 | | - | - |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn | 333 | | - | - |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh | 334 | | - | - |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn | 335 | | - | - |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | | - | - |
| 7. Phải trả dài hạn khác | 337 | V.14b | 763.444.000 | - |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | | - | - |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi | 339 | | - | - |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi | 340 | | - | - |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | | - | - |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | | - | - |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 343 | | - | - |

**Bảng cân đối kế toán** (tiếp theo)

| | NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|---|---|---|
| **D -** | **NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU** | **400** | | **25.508.256.019** | **23.328.773.815** |
| **I.** | **Vốn chủ sở hữu** | **410** | **V.16** | **25.508.256.019** | **23.328.773.815** |
| 1. | Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 14.400.000.000 | 14.400.000.000 |
| - | *Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết* | *411a* | | *14.400.000.000* | *14.400.000.000* |
| - | *Cổ phiếu ưu đãi* | *411b* | | - | - |
| 2. | Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | - | - |
| 3. | Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | 413 | | - | - |
| 4. | Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | - | - |
| 5. | Cổ phiếu quỹ | 415 | | - | - |
| 6. | Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | | - | - |
| 7. | Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | | - | - |
| 8. | Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 3.390.662.507 | 3.341.593.224 |
| 9. | Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 419 | | - | - |
| 10. | Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | - | - |
| 11. | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 7.717.593.512 | 5.587.180.591 |
| - | *LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước* | *421a* | | *5.040.685.598* | *5.587.180.591* |
| - | *LNST chưa phân phối kỳ này* | *421b* | | *2.676.907.914* | - |
| 12. | Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 422 | | - | - |
| **II.** | **Nguồn kinh phí và quỹ khác** | **430** | | - | - |
| 1. | Nguồn kinh phí | 431 | | - | - |
| 2. | Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 432 | | - | - |
| | **TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN** | **440** | | **35.017.066.858** | **33.762.700.604** |

Lập, ngày 21 tháng 03 năm 2024

| Người lập biểu | Kế toán trưởng | Giám đốc |
|---|---|---|
| Nguyễn Đức Duy | Dương Bảo Kiên | Nguyễn Anh Tuấn |

# BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**

Đơn vị tính: VND

| | CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|---|---|---|
| 1. | **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ** | 01 | VI.1 | **30.501.703.102** | **29.568.076.372** |
| 2. | **Các khoản giảm trừ doanh thu** | 02 | | - | - |
| 3. | **Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ** | 10 | | **30.501.703.102** | **29.568.076.372** |
| 4. | **Giá vốn hàng bán** | 11 | VI.2 | **19.001.162.072** | **19.592.860.468** |
| 5. | **Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ** | 20 | | **11.500.541.030** | **9.975.215.904** |
| 6. | **Doanh thu hoạt động tài chính** | 21 | VI.3 | **754.959.865** | **365.955.849** |
| 7. | **Chi phí tài chính** | 22 | | - | - |
| | Trong đó: chi phí lãi vay | 23 | | - | - |
| 8. | **Chi phí bán hàng** | 25 | | - | - |
| 9. | **Chi phí quản lý doanh nghiệp** | 26 | VI.4 | **8.296.276.987** | **6.753.457.407** |
| 10. | **Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh** | 30 | | **3.959.223.908** | **3.587.714.346** |
| 11. | **Thu nhập khác** | 31 | VI.5 | **125.072.765** | - |
| 12. | **Chi phí khác** | 32 | VI.6 | **312.598.251** | **14.327.156** |
| 13. | **Lợi nhuận khác** | 40 | | **(187.525.486)** | **(14.327.156)** |
| 14. | **Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế** | 50 | | **3.771.698.422** | **3.573.387.190** |
| 15. | **Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành** | 51 | | **1.094.790.508** | **741.628.656** |
| 16. | **Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại** | 52 | | - | - |
| 17. | **Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp** | 60 | | **2.676.907.914** | **2.831.758.534** |
| 18. | **Lãi cơ bản trên cổ phiếu** | 70 | VI.7 | **1.487** | **1.921** |
| 19. | **Lãi suy giảm trên cổ phiếu** | 71 | VI.8 | **1.487** | **1.921** |

Lập, ngày 21 tháng 03 năm 2024

| Người lập biểu | Kế toán trưởng | Giám đốc |
|---|---|---|
| Nguyễn Đức Duy | Dương Bảo Kiên | Nguyễn Anh Tuấn |

# BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

**(Theo phương pháp gián tiếp)**
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|---|---|
| **I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh** | | | | |
| ***1. Lợi nhuận trước thuế*** | ***01*** | | ***3.771.698.422*** | ***3.573.387.190*** |
| ***2. Điều chỉnh cho các khoản:*** | | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư | 02 | | 1.610.737.697 | 1.529.441.214 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | | 52.411.140 | 71.829.000 |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | | - | - |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | | (748.843.612) | (365.955.849) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | | - | - |
| - Các khoản điều chỉnh khác | 07 | | - | - |
| ***3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động*** | ***08*** | | ***4.686.003.647*** | ***4.808.701.555*** |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | 41.751.764 | (3.957.178.075) |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | | - | - |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả | 11 | | (2.410.555.162) | 2.599.043.465 |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | | (209.446.460) | 793.843.061 |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh | 13 | | - | - |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | | - | - |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | | (942.313.646) | (746.560.308) |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | | 5.778.640 | - |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | | (58.500.000) | (249.824.000) |
| ***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh*** | ***20*** | | ***1.112.718.783*** | ***3.248.025.698*** |
| **II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư** | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | | (619.485.000) | (1.666.408.602) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22 | | - | - |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | (1.689.105.455) | (3.500.000.000) |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | 1.500.000.000 | 200.000.000 |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | - | - |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | - | - |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | 730.238.576 | 325.289.068 |
| ***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư*** | ***30*** | | ***(78.351.879)*** | ***(4.641.119.534)*** |

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ** (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|---|---|
| **III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính** | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | | - | - |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | | - | - |
| 3. Tiền thu từ đi vay | 33 | | - | - |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | | - | - |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính | 35 | | - | - |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | (432.000.000) | (722.940.000) |
| ***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính*** | ***40*** | | ***(432.000.000)*** | ***(722.940.000)*** |
| **Lưu chuyển tiền thuần trong năm** | **50** | | **602.366.904** | **(2.116.033.836)** |
| **Tiền và tương đương tiền đầu năm** | **60** | **V.1** | **9.455.191.361** | **11.571.225.197** |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | - | - |
| **Tiền và tương đương tiền cuối năm** | **70** | **V.1** | **10.057.558.265** | **9.455.191.361** |
| | | | - | - |

Lập, ngày 21 tháng 03 năm 2024

| Người lập biểu | Kế toán trưởng | Giám đốc |
|---|---|---|
| Nguyễn Đức Duy | Dương Bảo Kiên | Nguyễn Anh Tuấn |

# BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**

## I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

**1. Hình thức sở hữu vốn**
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Hàng hóa Hà Nội (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần.

**2. Lĩnh vực kinh doanh**
Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

**3. Ngành nghề kinh doanh**
Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Dịch vụ bến bãi, kho xưởng, quầy quán...

**4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**
Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

**5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**
Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

**6. Nhân viên**
Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có 77 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 79 nhân viên).

## II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

**1. Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

**1. Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### 2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

### 3. Các khoản đầu tư tài chính

***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

### 4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

**5. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí sửa chữa. Chi phí trả trước này được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 24 tháng.

**6. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| Loại tài sản cố định | Số năm |
|---|---|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 06 - 15 |
| Máy móc và thiết bị | 05 - 07 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 - 10 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 - 08 |

**7. Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư là nhà thuộc sở hữu của Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Bất động sản đầu tư của công ty là nhà được khấu hao trong 22 năm.

**8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, dịch vụ và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

## 9. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

***Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát***

Công ty ghi nhận trên Báo cáo tài chính các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Công ty hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Công ty phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

## 10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

## 11. Vốn chủ sở hữu

***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

## 12. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

## 13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

***Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động***

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

## 14. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

## 15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

## 16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

## 17. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|
| Tiền mặt | 1.334.257.071 | 1.818.007.620 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 2.186.649.287 | 2.815.747.442 |
| Các khoản tương đương tiền ( Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng) | 6.536.651.907 | 4.821.436.299 |
| **Cộng** | **10.057.558.265** | **9.455.191.361** |

### 2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là các khoản tiền gửi tại ngân hàng có kỳ hạn từ 5 – 6 tháng, lãi suất từ 4,25 – 8%/năm.

### 3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|
| Công ty TNHH MTV Đá Granite Bình Định | 1.571.722.200 | 1.571.722.200 |
| Công ty TNHH Hoàng Tân Hòa | 278.700.000 | 134.700.000 |
| Ông Trần Thanh Toàn | 198.142.000 | 576.639.000 |
| Các khách hàng khác | 1.378.770.825 | 1.189.882.341 |
| **Cộng** | **3.427.335.025** | **3.472.943.541** |

### 4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|
| Công ty Cổ phần Đầu tư Đất Việt | 143.000.000 | 143.000.000 |
| Công ty Luật TNHH Vinawin | 3.636.363 | 80.000.000 |
| Công ty TNHH Fisa Việt Nam | 183.245.200 | 183.245.200 |
| Các nhà cung cấp khác | 41.024.711 | 56.024.711 |
| **Cộng** | **370.906.274** | **462.269.911** |

### 5. Phải thu ngắn hạn khác

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---|---|---|---|---|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| Tạm ứng | 2.333.320.000 | - | 2.253.387.000 | - |
| Dự thu lãi tiền gửi | 92.849.062 | - | 74.244.026 | - |
| Quỹ khen thưởng phúc lợi chi quá | 1.778.640 | - | - | - |
| Các khoản phải thu ngắn hạn khác | 122.855.660 | (92.936.728) | 109.346.910 | (92.936.728) |
| **Cộng** | **2.550.803.362** | **(92.936.728)** | **2.436.977.936** | **(92.936.728)** |

### 6. Nợ xấu

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---|---|---|---|---|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Đoàn xe khách | 92.936.728 | (92.936.728) | 92.936.728 | (92.936.728) |
| Công ty Cổ phần Kuma Việt Nam | 12.401.309 | (12.401.309) | 12.401.309 | (12.401.309) |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Đông Đô | 21.419.292 | (21.419.292) | 21.419.292 | (21.419.292) |
| Công ty TNHH MTV Đá Granite Bình Định | 1.571.722.200 | (1.571.722.200) | 1.571.722.200 | (1.571.722.200) |
| Công ty TNHH Vận tải Tuấn Thành | 287.316.000 | (287.316.000) | 287.316.000 | (234.904.860) |
| **Cộng** | **1.985.795.529** | **(1.985.795.529)** | **1.985.795.529** | **(1.933.384.389)** |

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|
| Số đầu năm | 1.933.384.389 | 1.861.555.389 |
| Trích lập dự phòng | 52.411.140 | 71.829.000 |
| **Số cuối năm** | **1.985.795.529** | **1.933.384.389** |

## 7. Chi phí trả trước

### *7a. Chi phí trả trước ngắn hạn*

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|
| Chi phí công cụ, dụng cụ | 24.910.069 | - |
| Phí bảo hiểm tài sản | - | 29.997.122 |
| Chi phí sửa chữa | 27.664.220 | - |
| Chi phí trả trước ngắn hạn khác | 21.846.152 | - |
| **Cộng** | **74.420.441** | **29.997.122** |

### *7b. Chi phí trả trước dài hạn*

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|
| Chi phí công cụ, dụng cụ | 176.257.413 | - |
| Chi phí sửa chữa | 244.031.903 | 222.985.013 |
| Chi phí giấy phép xả thải | 33.999.981 | 47.599.989 |
| Chi phí thí nghiệm, kiểm định thiết bị điện | - | 18.681.154 |
| **Cộng** | **454.289.297** | **289.266.156** |

## 8. Tài sản cố định hữu hình

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Cộng |
|---|---|---|---|---|---|
| **Nguyên giá** | | | | | |
| Số đầu năm | 30.562.316.208 | 1.418.425.729 | 1.321.007.557 | 94.261.600 | 33.396.011.094 |
| Đầu tư XDCB hoàn thành | 1.128.713.000 | 811.030.000 | - | - | 1.939.743.000 |
| **Số cuối năm** | **31.691.029.208** | **2.229.455.729** | **1.321.007.557** | **94.261.600** | **35.335.754.094** |
| *Trong đó:* | | | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | 22.412.509.361 | 147.033.915 | 1.321.007.557 | 94.261.600 | 23.974.812.433 |
| Chờ thanh lý | | | | | |
| **Giá trị hao mòn** | | | | | |
| Số đầu năm | 28.088.424.527 | 156.216.513 | 1.321.007.557 | 94.261.600 | 29.659.910.197 |
| Khấu hao trong năm | 995.372.697 | 221.335.004 | | | 1.216.707.701 |
| **Số cuối năm** | **29.083.797.224** | **377.551.517** | **1.321.007.557** | **94.261.600** | **30.876.617.898** |
| **Giá trị còn lại** | | | | | |
| Số đầu năm | 2.473.891.681 | 1.262.209.216 | - | - | 3.736.100.897 |
| **Số cuối năm** | **2.607.231.984** | **1.851.904.212** | - | - | **4.459.136.196** |
| *Trong đó:* | | | | | |
| Tạm thời chưa sử dụng | | | | | |
| Đang chờ thanh lý | | | | | |

## 9. Bất động sản đầu tư

Là nhà cho thuê tại 23 Hàn Thuyên

| | Nguyên giá | Hao mòn lũy kế | Giá trị còn lại |
|---|---|---|---|
| Số đầu năm | 8.668.659.843 | (1.999.297.404) | 6.669.362.439 |
| Khấu hao trong năm | - | (394.029.996) | (394.029.996) |
| **Số cuối năm** | **8.668.659.843** | **(2.393.327.400)** | **6.275.332.443** |

## 10. Phải trả người bán ngắn hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|
| Công ty TNHH Xây dựng Quảng cáo Thương mại Tiến Thành | 260.335.900 | - |
| Công ty Cổ phần PCCC và Chuyển giao công nghệ Phương Đông | 479.685.800 | - |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Điện Thăng Long | 651.350.160 | 1.084.719.120 |
| Các nhà cung cấp khác | 193.462.374 | 243.930.442 |
| **Cộng** | **1.584.834.234** | **1.328.649.562** |

## 11. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|
| Công ty TNHH Lâm Long | 16.255.290 | 10.590.770 |
| Công ty TNHH Núi Tuấn | 25.303.161 | 25.303.161 |
| Công ty TNHH Đăng kiểm Giải Phóng | - | 282.000.000 |
| Công ty Cổ phần Công nghệ Đông Dương | - | 132.465.386 |
| Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển TMDV Toàn Phát | - | 132.360.000 |
| Các khách hàng khác | 131.837.479 | 276.550.592 |
| **Cộng** | **173.395.930** | **859.269.909** |

## 12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | Số đầu năm | | Số phát sinh trong năm | | Số cuối năm | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Phải nộp | Phải thu | Số phải nộp | Số đã nộp | Phải nộp | Phải thu |
| Thuế GTGT hàng bán nội địa | 482.966.048 | - | 2.718.118.548 | (2.921.353.367) | 279.731.229 | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 372.689.781 | - | 1.247.593.110 | (942.313.646) | 677.969.245 | - |
| Thuế thu nhập cá nhân | 12.652.708 | - | 13.641.013 | (11.840.158) | 14.453.563 | - |
| Tiền thuê đất | - | 3.462.660.501 | 10.136.221.641 | (10.136.221.640) | - | 3.462.660.500 |
| Các loại thuế khác | - | - | 3.000.000 | (3.000.000) | - | - |
| **Cộng** | **868.308.537** | **3.462.660.501** | **14.118.574.312** | **(14.014.728.811)** | **972.154.037** | **3.462.660.500** |

(*) Trong đó:

| | | |
|---|---|---|
| Thuế TNDN Công ty phải nộp | : | 1.094.790.508 |
| Thuế TNDN nộp hộ cho hoạt động hợp tác kinh doanh | : | 152.802.602 |
| **Cộng** | **:** | **1.247.593.110** |

***Thuế giá trị gia tăng***

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

| | |
|---|---|
| - Dịch vụ nước sạch | 5% |
| - Dịch vụ khác | 10% |

***Thuế thu nhập doanh nghiệp***

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 3.771.698.422 | 3.573.387.190 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: | 1.030.702.193 | 134.756.088 |
| - Các khoản điều chỉnh tăng | 1.030.702.193 | 134.756.088 |
| *Phạt chậm nộp thuế* | *312.598.251* | *7.080.670* |
| *Chi phí khấu hao tương ứng phần nguyên giá TS 23 Hàn Thuyên không được trừ* | *48.429.132* | *48.429.132* |
| *Thù lao HĐQT không tham gia điều hành* | *72.000.000* | *72.000.000* |
| *Các khoản điều chỉnh tăng khác* | *597.674.810* | *7.246.286* |
| - Các khoản điều chỉnh giảm | - | - |
| ***Thu nhập tính thuế*** | ***4.802.400.615*** | ***3.708.143.278*** |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp | 20% | 20% |
| ***Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông*** | ***960.480.123*** | ***741.628.656*** |
| ***Điều chỉnh thuế TNDN phải nộp của các năm trước*** | ***134.310.385*** | - |
| **Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp** | **1.094.790.508** | **741.628.656** |

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

***Tiền thuê đất***

| Vị trí đất | Mức tiền thuê (VND/năm) |
|---|---|
| - Số 2 Lãng Yên, Q.Hai Bà Trưng, Hà Nội | 1.183.750.724 |
| - Số 23 Hàn Thuyên, Q.Hai Bà Trưng, Hà Nội | 135.075.978 |
| - Số 292 Bạch Đằng, Chương Dương Độ, Hoàn Kiếm, Hà Nội | 715.437.087 |
| - Số 27/785 Trương Định, Q.Hoàng Mai, Hà Nội | 8.101.957.851 |
| **Cộng** | **10.136.221.640** |

***Các loại thuế khác***

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

## 13. Doanh thu chưa thực hiện

Là tiền nhận trước về Dịch vụ kho bãi, quầy quán.

## 14. Phải trả khác

### *14a. Phải trả ngắn hạn khác*

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|
| ***Phải trả các bên liên quan*** | ***147.081.600*** | ***147.081.600*** |
| Tổng Công ty Vận tải Hà Nội - Cổ tức phải trả | 147.081.600 | 147.081.600 |
| ***Phải trả các đơn vị và cá nhân khác*** | ***4.780.985.150*** | ***5.593.591.812*** |
| Phải trả Công ty Cổ phần Công nghiệp Việt Nam tiền hợp tác kinh doanh (*) | 2.563.543.934 | 2.789.732.096 |
| Cổ tức, lợi nhuận phải trả | 137.978.400 | 137.978.400 |
| Phải trả tiền đặt cọc thuê kho | 2.011.381.516 | 2.597.800.016 |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác | 68.081.300 | 68.081.300 |
| **Cộng** | **4.928.066.750** | **5.740.673.412** |

(*) Theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 09 ngày 23 tháng 02 năm 2002 giữa Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ hàng hóa Hà Nội và Công ty Cổ phần Công nghiệp Việt Nam về việc góp vốn nâng cấp, cải tạo kho xưởng trên diện tích 10.000 $m^2$ tại 27/785 đường Trương Định, quận Hoàng Mai, Hà Nội để kinh doanh và phụ lục hợp đồng số 01 ngày 01 năm 3 năm 2014 về việc kéo dài thời gian hợp tác kinh doanh đến ngày 22 tháng 02 năm 2019 thì việc phân chia kết quả hợp tác kinh doanh thực hiện theo tỷ lệ: Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ hàng hóa Hà Nội là: 8/15, Công ty Cổ phần Công nghiệp Việt Nam là: 7/15.

Trong năm 2023, Công ty đang tạm phân chia kết quả kinh doanh kho xưởng để tạm xác định doanh thu, giá vốn và tiền thuế nộp hộ cho Công ty Cổ phần Công nghiệp Việt Nam năm 2023 như sau:

| | | |
|---|---|---|
| Doanh thu phân chia | : | 3.529.325.075 |
| Giá vốn phân chia | : | 2.765.312.067 |
| Lợi nhuận phân chia | : | 764.013.008 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp hộ | : | 152.802.602 |
| Số tiền phải trả cho hoạt động hợp tác kinh doanh năm 2023 | : | 611.210.406 |
| Số tiền phải trả cho hoạt động hợp tác kinh doanh lũy kế đến 2023 | : | 2.563.543.934 |

### *14b. Phải trả ngắn hạn khác*

Là khoản đặt cọc thuê kho bãi dài hạn.

## 15. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

| | Số đầu năm | Tăng do trích lập từ lợi nhuận | Tăng khác | Chi quỹ trong năm | Số cuối năm |
|---|---|---|---|---|---|
| Quỹ khen thưởng, phúc lợi (*) | 20.008.505 | 32.712.855 | 4.000.000 | (58.500.000) | (1.778.640) |
| Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành | 51.643.850 | 32.712.855 | - | - | 84.356.705 |
| **Cộng** | **71.652.355** | **65.425.710** | **4.000.000** | **(58.500.000)** | **82.578.065** |

(*) Số dư quỹ Khen thưởng phúc lợi âm được trình bày ở chỉ tiêu "Phải thu ngắn hạn khác" (xem thuyết minh V.5).

## 16. Vốn chủ sở hữu

### *16a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

| | Vốn góp của chủ sở hữu | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Cộng |
|---|---|---|---|---|
| Số đầu năm trước | 14.400.000.000 | 2.767.605.950 | 4.437.158.381 | 21.604.764.331 |
| Lợi nhuận trong năm trước | - | - | 2.831.758534 | 2.831.758.534 |
| Trích lập các quỹ | - | 573.987.274 | (832.486.641) | (258.499.367) |
| Chia cổ tức, lợi nhuận | - | - | (720.000.000) | (720.000.000) |
| Trích quỹ Ban điều hành | - | - | (129.249.683) | (129.249.683) |
| **Số dư cuối năm trước** | **14.400.000.000** | **3.341.593.224** | **5.587.180.591** | **23.328.773.815** |
| Số dư đầu năm nay | 14.400.000.000 | 3.341.593.224 | 5.587.180.591 | 23.328.773.815 |
| Lợi nhuận trong năm nay | - | - | 2.676.907.914 | 2.676.907.914 |
| Trích lập các quỹ | - | 49.069.283 | (81.782.138) | (32.712.855) |
| Chia cổ tức, lợi nhuận | - | - | (432.000.000) | (432.000.000) |
| Trích quỹ Ban điều hành | - | - | (32.712.855) | (32.712.855) |
| **Số dư cuối năm nay** | **14.400.000.000** | **3.390.662.507** | **7.717.593.512** | **25.508.256.019** |

### *16b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu*

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|
| Vốn đầu tư của Nhà nước | 7.354.200.000 | 7.354.200.000 |
| Vốn góp của các cổ đông khác | 7.045.800.000 | 7.045.800.000 |
| **Cộng** | **14.400.000.000** | **14.400.000.000** |

### *16c. Cổ phiếu*

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 1.440.000 | 1.440.000 |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành | 1.440.000 | 1.440.000 |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành | 1.440.000 | 1.440.000 |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

### *16d. Phân phối lợi nhuận*

Trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2023 số 106/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18 tháng 4 năm 2023 như sau:

| | | VND |
|---|---|---|
| • Trích quỹ đầu tư phát triển | : | 49.069.283 |
| • Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi | : | 32.712.855 |
| • Trích quỹ thưởng Ban điều hành | : | 32.712.855 |
| • Chia cổ tức | : | 432.000.000 |

## 17. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

### *Tài sản thuê ngoài*

Các tài sản thuê hoạt động dài hạn bao gồm:

- Thuê 159,2 m2 đất tại 23 Hàn Thuyên, phường Phạm Đình Hổ, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội để sử dụng làm văn phòng làm việc và cho thuê, với giá thuê được xác định theo từng thời kỳ. Tiền thuê được thanh toán 6 tháng/1 lần.
- Thuê 34.902 m2 đất tại 27/785 đường Trương Định, phường Thịnh Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội để sử dụng cùng với công trình đã xây dựng làm trụ sở làm việc và bãi đỗ xe, với đơn giá được xác định theo từng thời kỳ. Tiền thuê được thanh toán hàng năm.

Các tài sản thuê hoạt động với hợp đồng thuê được gia hạn hàng năm, bao gồm:

- Thuê 10.636 m2 đất tại 27/785 đường Trương Định, phường Thịnh Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội để sử dụng cùng với công trình đã xây dựng làm trụ sở làm việc và bãi đỗ xe. Hợp đồng thuê đất trả tiền hàng năm. Tiền thuê được thanh toán 6 tháng/1 lần.
- Thuê 2.751 m2 đất tại 2 Lãng Yên, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội để sử dụng cùng với công trình đã xây dựng làm trụ sở làm việc và bãi đỗ xe. Hợp đồng thuê đất trả tiền hàng năm. Tiền thuê được thanh toán 6 tháng/1 lần.

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Là doanh thu các Dịch vụ bến bãi, kho xưởng, quầy quán, điện, nước.

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

### 2. Giá vốn hàng bán

Là giá vốn các Dịch vụ bến bãi, kho xưởng, quầy quán, điện, nước.

### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

| | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|
| Lãi tiền gửi ngân hàng | 754.959.865 | 352.505.849 |
| Lãi đầu tư trái phiếu | - | 13.450.000 |
| **Cộng** | **754.959.865** | **365.955.849** |

### 4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|
| Chi phí cho nhân viên | 3.869.990.200 | 3.680.648.650 |
| Chi phí vật liệu quản lý | 92.371.550 | 85.746.636 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 54.949.226 | 136.167.794 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 151.579.999 | 140.157.516 |
| Thuế, phí và lệ phí | 263.783.407 | 248.055.042 |
| Dự phòng phải thu khó đòi | 52.411.140 | 71.829.000 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 1.535.009.149 | 407.880.265 |
| Các chi phí khác | 2.276.182.316 | 1.982.972.504 |
| **Cộng** | **8.296.276.987** | **6.753.457.407** |

### 5. Thu nhập khác

| | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|
| Thu thanh lý vật tư đã qua sử dụng | 39.062.209 | - |
| Xử lý công nợ tồn đọng | 86.010.556 | - |
| **Cộng** | **125.072.765** | **-** |

### 6. Chi phí khác

Là tiền phạt vi phạm hành chính, phạt thuế chậm nộp.

## 7. Lãi trên cổ phiếu

| | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 2.676.907.914 | 2.831.758.534 |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi | (267.690.791) | (32.712.855) |
| Trích quỹ Ban điều hành | (267.690.791) | (32.712.855) |
| Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu | 2.141.526.331 | 2.766.332.824 |
| Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm | 1.440.000 | 1.440.000 |
| **Lãi cơ bản trên cổ phiếu** | **1.487** | **1.921** |

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước được tính toán lại, tăng từ 1.770 VND lên 1.921 VND, do xác định lại số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng Ban điều hành theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2023 số 106/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18 tháng 4 năm 2023.

Để phục vụ mục đích trình bày chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm nay, quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng Ban điều hành được tạm tính theo tỷ lệ 10% lợi nhuận sau thuế năm nay.

## 8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

| | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 196.713.776 | 221.914.430 |
| Chi phí nhân công | 8.813.283.454 | 9.805.760.200 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 1.610.737.697 | 1.529.441.214 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 9.346.670.091 | 3.631.253.057 |
| Chi phí thuê đất | 3.455.950.177 | 10.136.221.639 |
| Chi phí khác | 3.874.083.864 | 689.845.309 |
| **Cộng** | **27.297.439.059** | **26.014.444.849** |

# VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

## 1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

## *1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch và công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không phát sinh giao dịch và không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

| | Tiền lương | Thưởng | Thù lao | Cộng thu nhập |
|---|---|---|---|---|
| **Năm nay** | | | | |
| Ông Bùi Hồng Sơn - Chủ tịch HĐQT | - | - | 18.000.000 | 18.000.000 |
| Ông Phạm Hải Đăng - Phó CT HĐQT | - | - | 18.000.000 | 18.000.000 |
| Ông Vũ Hữu Tuyến - Ủy viên HĐQT | - | - | 18.000.000 | 18.000.000 |
| Bà Trần Thị Huế - Ủy viên HĐQT | - | - | 18.000.000 | 18.000.000 |
| Bà Lê Quỳnh Trang - Trưởng BKS | - | - | 18.000.000 | 18.000.000 |
| Ông Phan Bá Triều - Thành viên BKS | - | - | 9.000.000 | 9.000.000 |
| Ông Nguyễn Đức Duy - Thành viên BKS | 79.459.100 | 28.725.000 | 9.000.000 | 117.184.100 |
| Ông Nguyễn Anh Tuấn - Ủy viên HĐQT kiêm Giám đốc | 228.308.500 | 84.975.000 | - | 313.283.500 |
| Ông Đinh Quang Tùng - Phó Giám đốc | 168.138.700 | 62.475.000 | - | 230.613.700 |
| Ông Dương Bảo Kiên - Kế toán trưởng | 137.457.100 | 51.225.000 | - | 188.682.100 |
| **Cộng** | **613.363.400** | **227.400.000** | **108.000.000** | **948.763.400** |
| **Năm trước** | | | | |
| Ông Bùi Hồng Sơn - Chủ tịch HĐQT | - | - | 18.000.000 | 18.000.000 |
| Ông Phạm Hải Đăng - Phó CT HĐQT | - | - | 18.000.000 | 18.000.000 |
| Ông Vũ Hữu Tuyến - Ủy viên HĐQT | - | - | 18.000.000 | 18.000.000 |
| Bà Trần Thị Huế - Ủy viên HĐQT | - | - | 18.000.000 | 18.000.000 |
| Bà Lê Quỳnh Trang - Trưởng BKS | - | - | 18.000.000 | 18.000.000 |
| Ông Phan Bá Triều - Thành viên BKS | - | - | 9.000.000 | 9.000.000 |
| Ông Nguyễn Đức Duy - Thành viên BKS | 76.293.100 | 21.650.000 | 9.000.000 | 106.943.100 |
| Ông Nguyễn Anh Tuấn - Ủy viên HĐQT kiêm Giám đốc | 225.337.900 | 64.150.000 | - | 289.487.900 |
| Ông Đinh Quang Tùng - Phó Giám đốc | 165.568.000 | 47.150.000 | - | 212.718.000 |
| Ông Dương Bảo Kiên - Kế toán trưởng | 137.586.200 | 38.650.000 | - | 176.236.200 |
| **Cộng** | **604.785.200** | **171.600.000** | **108.000.000** | **884.385.200** |

### *1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

| Bên liên quan khác | Mối quan hệ |
|---|---|
| Tổng Công ty Vận tải Hà Nội | Công ty mẹ |
| Công ty Cổ phần Quan hệ Quốc tế Đầu tư Sản xuất | Cổ đông lớn |

*Giao dịch với các bên liên quan khác*

| | |
|---|---|
| Tổng Công ty Vận tải Hà Nội | |
| *Chia cổ tức* | *220.626.000* |

*Công nợ với các bên liên quan khác*

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại thuyết minh số V.15.

### 2. Thông tin về bộ phận

Hoạt động của Công ty chỉ trong một lĩnh vực kinh doanh là Dịch vụ bến bãi, kho xưởng, quầy quán, điện, nước. Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Công ty không cần trình bày Báo cáo bộ phận.

## 3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

## 4. Thông tin khác

Năm 2019, Công ty đã khởi kiện Công ty TNHH MTV Đá Granite Bình Định ra Tòa án do khách hàng này vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền thuê kho. Trong năm 2020, Tòa án đã có Quyết định theo bản án số 17/2020/KDTM-ST ngày 29/08/2020, theo đó: Công ty TNHH MTV Đá Granite Bình Định phải thanh toán giá trị hợp đồng thuê kho đến hết tháng 08/2020, số tiền 2.998.620.600 VND (bao gồm 10% VAT); Công ty TNHH MTV Đá Granite Bình Định phải chịu trách nhiệm di dời hàng hóa trong kho để trả lại mặt bằng cho Công ty và phải trả tiếp tục tiền thuê kho theo hợp đồng đã ký kết từ tháng 09/2020 cho đến thời điểm bàn giao mặt bằng cho Công ty.

Chi cục Thi hành án Dân sự quận Hoàng Mai đã ra thông báo số 43/TB-CCTHADS ngày 07/01/2022 về việc cưỡng chế thi hành án, bằng biện pháp: cưỡng chế trả lại mặt bằng kho xưởng theo Hợp đồng số: 69/09/18/HĐ – VTHH ngày 16/5/2018 cho Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Hàng hóa Hà Nội. Công ty đã phối hợp với Chi cục Thi hành án Dân sự quận Hoàng Mai thực hiện theo thông báo, thu hồi một phần mặt bằng kho cho Công ty và đưa vào khai thác bắt đầu từ tháng 04/2022. Công ty đã ngừng ghi nhận doanh thu cho thuê kho đối với khách hàng này kể từ tháng 9/2019. Nếu thực hiện theo phán quyết của Tòa án, ngoài số nợ đang phản ánh trên khoản mục "Phải thu khách hàng" (xem Thuyết minh V.3), Công ty TNHH Đá Granite Bình Định còn phải trả Công ty tiền thuê kho từ tháng 10/2019 đến hết tháng 8/2020 là 1.571.722.200 VND và tiền thuê từ tháng 9/2020 đến tháng 12/2021 (do chưa hoàn trả mặt bằng) là 750.965.600 VND. Công ty chưa ghi nhận doanh thu và nợ phải thu này, do chưa chắc chắn về khả năng thu được tiền.

Lập, ngày 21 tháng 03 năm 2024

| Người lập biểu | Kế toán trưởng | Giám đốc |
|---|---|---|
| Nguyễn Đức Duy | Dương Bảo Kiên | Nguyễn Anh Tuấn |